

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**ĐINH THỊ THU HƯỜNG**

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG  
CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI CHI NHÁNH  
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN KHU CÔNG NGHIỆP ĐIỆN NAM -  
ĐIỆN NGỌC TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính và Ngân hàng**  
**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng, Năm 2015**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HIỆP**

**Phản biện 1: PGS.TS. HOÀNG TÙNG**

**Phản biện 2: TS. HỒ KỲ MINH**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ  
Quản trị kinh doanh hợp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 10  
năm 2015.

*\* Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Cho vay là nghiệp vụ quan trọng chiếm phần lớn trong các hoạt động kinh doanh của ngân hàng cả về doanh thu và lợi nhuận. Do đó, kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay hợp lý là yếu tố tiên quyết cho sự tồn tại của mỗi ngân hàng, kiểm soát rủi ro đòi hỏi ngân hàng thương mại có cách nhìn cụ thể về rủi ro, có giải pháp đồng bộ và hữu hiệu mới có thể hạn chế được rủi ro. Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập toàn diện với thế giới, việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về tài chính ngân hàng là một điều tất yếu. Do vậy, yêu cầu cấp bách đặt ra cho các tổ chức tín dụng không chỉ xử lý nợ xấu trong hiện tại mà cao hơn phải kiểm soát rủi ro tín dụng trong thời gian tới.

Những năm gần đây, trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước với nhiều bất ổn, hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp liên tục gặp nhiều khó khăn. Tuy hoạt động cho vay của chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam vẫn tăng trưởng tốt, là hoạt động mang lại thu nhập chủ yếu cho chi nhánh. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu vẫn khá cao, rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp chưa được kiểm soát một cách hiệu quả. Yêu cầu cấp bách đặt ra là cần phải có hệ thống những biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay một cách có hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro, tăng lợi nhuận của ngân hàng góp phần nâng cao uy tín và tạo ra lợi thế của ngân hàng trong cạnh tranh.

Từ thực tế trên tôi chọn đề tài: ***“Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam”*** để viết luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại CN NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, từ đó đưa ra những mặt đạt được, những tồn tại và nguyên nhân những tồn tại của hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN tại chi nhánh.

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh.

## **3. Câu hỏi nghiên cứu**

- Các NHTM có thể sử dụng các biện pháp nào để kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp? Các tiêu chí để đánh giá kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp?

- Chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc đã sử dụng các biện pháp nào để kiểm soát rủi ro trong cho vay doanh nghiệp và kết quả đạt được như thế nào? Có những hạn chế nào và nguyên nhân của hạn chế? Từ đó, tìm ra những giải pháp nào để KSRR tín dụng trong cho vay DN để đạt được mục tiêu đề ra.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- **Đối tượng nghiên cứu:** Nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ giới hạn tập trung nghiên cứu về công tác KSRR tín dụng trong cho vay DN tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn 2012-2014 từ đó đề xuất các giải pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN trong thời gian tới, chủ yếu là trong ngắn và trung hạn.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng: Xem xét đối tượng nghiên cứu trong sự vận động và phát triển không ngừng, từ đó phát hiện vấn đề có tính quy luật phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.

- Các phương pháp cụ thể: Phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích,...

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM.

- Đánh giá được thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam.

- Đưa ra được một số giải pháp và kiến nghị nhằm kiểm soát rủi ro trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam.

## **7. Bố cục của đề tài**

Luận văn gồm phần mở đầu, kết luận và phần nội dung gồm ba chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM.

- Chương 2: Thực trạng về công tác KSRR tín dụng trong cho vay DN tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc.

- Chương 3: Hoàn thiện công tác KSRR ro tín dụng trong cho vay DN tại CN NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc.

## **8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Trong quá trình thực hiện đề tài tôi đã tham khảo một số đề tài sau:

Luận văn thạc sĩ "*Giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền trung*" năm 2009 của tác giả Trần Thị Mỹ Lệ dưới sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Hòa Nhân.

Luận văn Thạc sĩ "*Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh Đà Nẵng*" năm 2013 của tác giả Lê Việt Mười dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Võ Thị Thúy Anh.

Luận văn Thạc sĩ "*Giải pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng*" năm 2012 của tác giả Lương Khắc Trung dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Lâm Chí Dũng.

Luận văn Thạc sĩ "*Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại NH TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng*" năm 2013 của tác giả Đào Thị Thanh Thủy dưới sự hướng dẫn của TS. Hồ Hữu Tiến.

Luận văn Thạc sĩ "*Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngành xây dựng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng*" năm 2014 của tác giả Ngô Thị Hải Yến dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Hòa Nhân.

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu trên và căn cứ vào tình hình rủi ro cho vay doanh nghiệp thực tế đối với chi nhánh, đề tài tập trung nghiên cứu nội dung "*Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc tỉnh Quảng Nam*". Như vậy, không trùng với các đề tài trước đây đã công bố.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

#### 1.1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

##### 1.1.1. Khái niệm cho vay doanh nghiệp của NHTM

*a. Khái niệm doanh nghiệp:*

*b. Khái niệm cho vay doanh nghiệp của NHTM*

##### 1.1.2. Phân loại cho vay doanh nghiệp của NHTM

##### 1.1.3. Đặc điểm cho vay doanh nghiệp của NHTM

#### 1.2. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DN CỦA NHTM

##### 1.2.1. Khái niệm và đặc điểm RRTD trong cho vay DN của NHTM

*a. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

*b. Đặc điểm của rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp*

- RRTD trong cho vay DN mang tính gián tiếp
- RRTD trong cho vay DN có tính chất đa dạng và phức tạp
- RRTD trong cho vay DN của NHTM có tính tất yếu

##### 1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay của NHTM

- Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro
- Căn cứ vào tác động lên danh mục tín dụng
- Căn cứ theo tính chất khách quan, chủ quan của nguyên nhân gây

ra rủi ro

##### 1.2.3. Nguyên nhân gây ra RRTD trong cho vay DN của NHTM

- Nguyên nhân từ bản thân các ngân hàng
- Nguyên nhân từ phía khách hàng
- Nguyên nhân từ phía môi trường kinh doanh

##### 1.2.4. Tác động của RRTD trong cho vay DN của NHTM

- Đối với ngân hàng
- Đối với khách hàng
- Đối với nền kinh tế

### **1.2.5. Quản trị RRTD trong cho vay DN của NHTM**

*a. Khái niệm quản trị RRTD trong cho vay DN*

*b. Mục tiêu quản trị RRTD trong cho vay DN*

*c. Nội dung của quản trị RRTD trong cho vay DN*

## **1.3. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM**

### **1.3.1. Khái niệm, đặc điểm, mục đích và yêu cầu của kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp của NHTM**

*a. Khái niệm, đặc điểm kiểm soát RRTD trong cho vay DN của NHTM*

❖ Khái niệm

Là việc NHTM thực hiện các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm chủ động điều khiển, biến đổi rủi ro trong cho vay DN, tối thiểu hóa tổn thất trong cho vay trước khi rủi ro đó xuất hiện.

❖ Đặc điểm

- Được tiến hành trước khi rủi ro xảy ra;
- Được thực hiện xuyên suốt trước, trong và sau khi cho vay;
- Hoạt động kiểm soát ở mức độ cao có thể giảm thiểu tối đa rủi ro nhưng chi phí cao và ngược lại.

*b. Mục đích và yêu cầu*

❖ Mục đích

Nhằm kiểm soát RRTD với xác suất xảy ra thấp nhất, từ đó hạn chế tối đa mức độ tổn thất khi RRTD trong cho vay DN xảy ra.

❖ Yêu cầu

Tạo lập được một danh mục cho vay hợp lý; Có những quy định để thực hiện thống nhất, minh bạch các bước trong quá trình cho vay; Đảm bảo phản ánh minh bạch, chính xác chất lượng danh mục cho vay, trích đủ dự phòng để bù đắp những rủi ro phát sinh trong quá trình cho vay; Có hệ thống kiểm tra, kiểm soát thích hợp để phát hiện, ngăn ngừa



và xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh đối với danh mục cho vay.

### **1.3.2. Nội dung của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN.**

#### ***a. Các biện pháp né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

Né tránh rủi ro là việc né tránh những đối tượng, những hoạt động hoặc những nguyên nhân làm phát sinh tổn thất, mất mát có thể xảy ra. Né tránh RRTD trong cho vay DN có nhiều mức độ khác nhau, bao gồm: Từ chối cho vay, né tránh một phần trong cho vay.

#### ***b. Các biện pháp ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

Ngăn ngừa là các hoạt động nhằm ngăn cản khả năng xảy ra sự việc không mong muốn nào đó nhằm giảm thiểu tổn thất khi nó xảy ra. Như vậy, ngăn ngừa RRTD trong cho vay DN là các hoạt động của NHTM nhằm loại bỏ những nguyên nhân gây ra rủi ro. Các hoạt động này thường được thực hiện trong và sau khi cho vay. Các biện pháp ngăn ngừa rủi ro trong cho vay DN thường gồm: Yêu cầu vốn tự có; kiểm tra, giám sát khoản vay; áp dụng các điều khoản trong nội dung hợp đồng tín dụng.

#### ***c. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

Giảm thiểu RRTD trong cho vay DN là việc NHTM chủ động sử dụng các biện pháp nhằm giảm mức độ thiệt hại cũng như tổn thất do rủi ro trong cho vay DN mang lại nếu như rủi ro xảy ra. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong cho vay DN: Áp dụng lãi suất cho vay theo mức độ rủi ro cho vay; Áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay; trích lập dự phòng rủi ro.

#### ***d. Các biện pháp chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

Là việc sắp xếp để một số đối tượng gánh chịu hoàn toàn hay một phần tổn thất xảy ra trong cho vay, đây là biện pháp làm giảm sự tác động của tổn thất lên toàn bộ NH. Có thể chuyển giao rủi ro cho công ty bảo hiểm, người kinh doanh rủi ro, hoặc cho ngân sách nhà nước.

### ***e. Biện pháp đa dạng hóa trong cho vay doanh nghiệp***

Là việc ngân hàng đa dạng hóa danh mục cho vay, thực hiện cho vay với nhiều loại sản phẩm, nhiều khách hàng, nhiều ngành nghề, lĩnh vực, hình thức cấp vốn nhằm mục đích phân tán rủi ro. Nguyên tắc của phân tán rủi ro là không bỏ hết trứng vào cùng một giỏ.

#### **1.3.3. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả KSRR tín dụng trong cho vay DN**

***a. Cơ cấu các nhóm nợ***

***b. Tỷ lệ nợ xấu***

***c. Tỷ lệ nợ XLRR***

***d. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro***

#### **1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

***a. Nhân tố từ phía ngân hàng***

Định hướng, mục tiêu kiểm soát tín dụng của NHTM; quy chế quản trị trong hoạt động cho vay DN của NHTM; trình độ, năng lực của cán bộ ngân hàng; đạo đức cán bộ ngân hàng; công nghệ ngân hàng

***b. Nhân tố từ phía khách hàng***

Năng lực chuyên môn và uy tín của người lãnh đạo DN; Khách hàng cung cấp số liệu không trung thực; ngành nghề sản xuất kinh doanh của khách hàng; mục đích sử dụng vốn của DN và thiện chí trả nợ của DN.

***c. Nhân tố từ phía môi trường bên ngoài***

**Kết luận chương 1:** Trong chương 1, luận văn đã khái quát được hoạt động cho vay của NHTM, đặc biệt là rủi ro tín dụng trong cho vay DN của NHTM. Qua đó giới thiệu trọng tâm của luận văn là kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay DN, làm cơ sở cho việc đánh giá và phân tích thực trạng trong chương 2.

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG**  
**TRONG CHO VAY DN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT KCN**  
**ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC TRONG GIAI ĐOẠN 2012-2014**

**2.1. TỔNG QUAN VỀ CHI NHÁNH NHNo&PTNT KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC**

**2.1.1. Giới thiệu về CN NHNo&PTNT KCN ĐN - ĐN**

**2.2.1. Bối cảnh kinh doanh của NHNo&PTNT KCN ĐN-ĐN**

- ❖ Nguồn nhân lực
- ❖ Mô hình quản lý tín dụng
- ❖ Trang bị công nghệ
- ❖ Chiến lược kinh doanh
- ❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

- Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn của CN tương đối hiệu quả và không ngừng tăng trưởng qua các năm. Trong đó tiền gửi dân cư chiếm tỷ trọng chủ yếu. Có được kết quả trên là do Chi nhánh đa dạng hóa nguồn vốn bằng việc đa dạng các hình thức, biện pháp, các kênh huy động vốn từ mọi nguồn trong mọi thành phần kinh tế xã hội, chú trọng làm tốt công tác hoạt động chăm sóc KH, mở rộng thị trường.

- Tổng dư nợ cho vay

Trong ba năm qua, CN có dư nợ cho vay không ngừng tăng lên với mức dư nợ cho vay đạt 309.205 triệu đồng năm 2013, sang năm 2014 doanh số cho vay tăng lên mức 347.800 triệu đồng, đạt tốc độ tăng trưởng 14,3%. Cho vay doanh nghiệp các năm chiếm tỷ trọng giao động từ 57% - 60% tổng dư nợ cho vay.

- Kết quả kinh doanh

Năm 2014 tổng thu đạt 69.315 triệu đồng, tăng 2.504 triệu đồng, tỷ lệ tăng 6,62% so với năm 2013. Nguồn thu từ tín dụng vẫn là chủ yếu

và chiếm tỷ trọng cao, trên 90% trong tổng nguồn thu của chi nhánh, các hoạt động kinh doanh khác vẫn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ. Tổng chi chưa lương đạt 31.458 triệu đồng, đạt 120,9% chỉ tiêu kế hoạch Ngân hàng tỉnh giao. Hệ số lương xác lập 1,37 lần.

## **2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI CHI NHÁNH**

### **2.2.1. Các biện pháp sử dụng để kiểm soát RRTD trong cho vay DN tại chi nhánh**

#### ***a. Biện pháp né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

##### **❖ Từ chối cho vay**

- Xếp hạng tín dụng nội bộ KH và sàng lọc khách hàng vay

Đối với những doanh nghiệp đã có quan hệ tín dụng với CN. Dựa vào kết quả định hạng doanh nghiệp nếu không đảm bảo yêu cầu thì chi nhánh sẽ từ chối cho vay nhằm né tránh rủi ro tín dụng ngay từ ban đầu.

Chi nhánh chấp nhận cho vay đối với DN vay vốn được CN đánh giá từ loại B trở lên, tuy nhiên DN vay vốn được đánh giá loại B thì khi cho vay phải có tài sản đảm bảo, DN xếp hạng loại BB trở lên thì khi cho vay có thể không cần tài sản đảm bảo, nếu đáp ứng thêm một số điều kiện khác như: Vốn tự có tham gia tối thiểu là 30%, hệ số thanh toán ngắn hạn  $>1$ , ROE  $>5\%$ , báo cáo tài chính phải qua kiểm toán,...

- Công tác thẩm định khách hàng và sàng lọc khách hàng vay

Đối với những DN đã được sàng ở trên và đạt yêu cầu hoặc những doanh nghiệp mới quan hệ tín dụng với chi nhánh chưa được xếp hạng tín dụng thì cán bộ tín dụng tiến hành thẩm định khách hàng để tiếp tục sàng lọc chọn những khách hàng tốt và loại bỏ những khách hàng kém nhằm hạn chế rủi ro trong cho vay. Thẩm định khách hàng tại chi nhánh bao gồm: Thẩm định hồ sơ, mục đích vay vốn; Thẩm định tình hình tài chính; thẩm định phương án sản xuất kinh doanh/ dự án đầu tư; thẩm định tài sản bảo đảm.

❖ Giới hạn tín dụng theo ngành hoặc lĩnh vực và theo khách hàng  
CN chưa đưa ra giới hạn tín dụng cho tất cả các ngành mà chỉ hạn chế cho vay đối với những ngành, lĩnh vực kinh doanh mức có RRTD cao. Riêng cho vay bất động sản và kinh doanh chứng khoán hiện nay CN ngừng cho vay.

***b. Các biện pháp ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

❖ Yêu cầu vốn tự có

Hiện nay, chi nhánh áp dụng yêu cầu vốn tự có là 30% và áp dụng như nhau đối với các doanh nghiệp khác nhau về xếp hạng, cũng như giống nhau giữa cho vay các kỳ hạn khác nhau, các ngành khác nhau.

❖ Kiểm tra trong và sau khi cho vay

- Kiểm tra trong khi cho vay

Tại CN, việc giải ngân chủ yếu được thực hiện bằng chuyển khoản, nếu giải ngân bằng tiền mặt thì phải có giải trình hợp lý. Phê duyệt giải ngân được thực hiện trên cả trên hồ sơ và trên máy tính. Nói chung, hoạt động này được chi nhánh thực hiện khá đầy đủ và chặt chẽ.

- Kiểm tra sau khi cho vay

Tại CN, kiểm tra sau khi cho vay chỉ mới dừng lại ở việc theo dõi nợ đến hạn, thông báo và đôn đốc thu nợ, vẫn chưa phát hiện được trường hợp nào sử dụng vốn sai mục đích hay các lý do khác dẫn tới dừng giải ngân và thu nợ trước. Bên cạnh đó, việc kiểm tra chưa được thường xuyên nên chưa phản ánh kịp thời tình hình KH cũng như tình hình của khoản vay.

❖ Áp dụng các điều khoản hợp đồng.

Hiện nay, tại chi nhánh việc soạn thảo hợp đồng tín dụng và hợp đồng đều dựa vào mẫu soạn sẵn của NHNo&PTNT Việt Nam, trong nội dung hợp đồng có đầy đủ các nội dung cơ bản như: Số tiền vay, phương thức cho vay, lãi suất, thời hạn, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay, tài sản bảo đảm, cách thức giải quyết tranh chấp. Nhìn chung,

hợp đồng tín dụng của chi nhánh khá đầy đủ, chặt chẽ và khoa học đảm bảo được yêu cầu về tính pháp lý của một hợp đồng tín dụng.

***c. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

❖ Bảo đảm tiền vay

- Về công tác định giá TSĐB
- Về công tác kiểm tra TSĐB
- Về công tác định giá lại TSĐB

❖ Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Định kỳ hàng quý, trên cơ sở đánh giá phân loại nợ, chi nhánh thực hiện trích lập dự phòng rủi ro phục vụ công tác quản lý chất lượng tín dụng và đánh giá tình hình kinh doanh của NH. Mức trích lập dự phòng dựa trên cơ sở nhóm nợ và giá trị tài sản đảm bảo được khấu trừ. Nhìn chung, chi nhánh thực hiện dự phòng đầy đủ, kịp thời và tuân thủ theo đúng quy định.

❖ Áp dụng lãi suất cho vay theo mức độ rủi ro tín dụng

Chi nhánh áp dụng lãi suất cho vay linh hoạt theo mức độ rủi ro mà DN đạt được theo hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng của ngân hàng. Ngoài ra, chi nhánh thực hiện cho vay doanh nghiệp theo hướng tăng lãi suất cho vay đối với những lĩnh vực được đánh giá là có RRTD cao mà NH có quy định hạn chế cho vay.

***d. Các biện pháp chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay DN***

❖ Chuyển giao cho công ty bảo hiểm

Hiện tại CN thực hiện bắt buộc DN vay vốn mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản bảo đảm theo quy định và khuyến khích DN mua bảo hiểm với các tài sản khác. Đối với bảo hiểm tín dụng hiện nay CN chưa có quy định bắt buộc DN mua bảo hiểm tín dụng và CN cũng chưa tiến hành mua loại bảo hiểm này.

❖ Bảo lãnh của bên thứ ba

Đặc thù TSĐB của DN vay vốn tại NHNo&PTNT KCN Điện Nam

- Điện Ngọc hầu hết là bất động sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, trụ sở cơ quan làm việc,... không đủ để đảm bảo cho dư nợ vay vốn của DN tại chi nhánh. Do đó, chi nhánh thường yêu cầu DN phải được sự bảo lãnh của cá nhân hoặc tổ chức đứng ra dùng tài sản để bảo lãnh cho DN. Đây là phương thức được sử dụng nhưng không thường xuyên và chiếm tỷ trọng thấp trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh trong thời gian qua.

#### ❖ Chứng khoán hóa

Hiện tại, chi nhánh chưa thực hiện biện pháp chứng khoán hóa do thị trường tài chính trên địa bàn chưa phát triển.

#### ***e. Biện pháp đa dạng hóa, phân tán rủi ro:***

Đa dạng hóa trong cho vay bao gồm: Cho vay đa ngành, nghề, lĩnh vực, đối tượng khách hàng, đa dạng loại hình doanh nghiệp, đa dạng hình thức cho vay, kỳ hạn trả nợ, loại tiền tệ... Tuy nhiên, việc đa dạng hóa trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh vẫn còn nhiều hạn chế

### **2.2.2. Kết quả kiểm soát RRTD trong cho vay DN tại CN**

#### ***a. Cơ cấu nhóm nợ***

Trong thời gian qua, nợ nhóm 1 có xu hướng tăng dần cùng với mức tăng trưởng dư nợ của chi nhánh và chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng dư nợ. Nợ nhóm 2 và các nhóm nợ xấu cũng có xu hướng giảm dần qua các năm, điều này cho thấy việc thực hiện kiểm soát rủi ro cho vay DN có tiến bộ, chất lượng tín dụng của NH có sự cải thiện rõ rệt.

#### ***b. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay DN***

Qua bảng số liệu, cho thấy nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp trong năm 2012 chiếm tỷ lệ khá cao là 2,8% tổng dư nợ. Nhưng vào năm 2013 tỷ lệ nợ xấu giảm còn 2,2% và năm 2014 tỷ lệ nợ xấu chỉ còn 1,94%. Trong những năm qua nền kinh tế hết sức khó khăn mà nợ xấu vẫn được chi nhánh quản lý và thu hồi khá tốt.

**Bảng 2.10: Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay DN tại chi nhánh***ĐVT: Triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>
1. Nợ xấu	1.405	1.398	1.024
2. Tỷ lệ nợ xấu	2,8%	2,2%	1,5%
3. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu so với năm trước	-	-0,6%	-0,7%

*(Nguồn: Phòng kinh doanh CN NHNo&PTNT KCN ĐN – ĐN)***c. Tỷ lệ nợ XLRR trong cho vay doanh nghiệp**

Qua bảng số liệu 2.9 cho thấy, tỷ lệ nợ XLRR đối với khách hàng doanh nghiệp trong năm 2012 ở mức 1,37%, đến năm 2013 tỷ lệ nợ XLRR là 0,9% và năm 2014 tỷ lệ nợ XLRR chỉ còn lại 0,68%, cho thấy chi nhánh đang giảm các khoản nợ xấu không thể thu hồi, hoạt động tín dụng trong cho vay DN của chi nhánh là khá hiệu quả, công tác quản trị RRTD trong cho vay DN ngày càng được Ban lãnh đạo quan tâm nhiều hơn.

**Bảng 2.11: Nợ XLRR trong cho vay doanh nghiệp***ĐVT: Triệu đồng, %*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>
Dư nợ DN XLRR	686	570	462
Tỷ lệ nợ DN XLRR	1,37	0,90	0,68
Mức giảm tỷ lệ nợ DN XLRR so với năm trước	-	0,47	0,22

*(Nguồn: Phòng kinh doanh CN NHNo&PTNT KCN ĐN – ĐN)***d. Tỷ lệ trích lập DPRR trong cho vay doanh nghiệp**

Trong thời gian qua chi nhánh thực hiện nghiêm túc việc trích lập DPRR theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Qua bảng 2.12 cho thấy, tỷ lệ trích lập DPRR giảm qua các năm, sự giảm xuống này cho thấy NH đã kiểm soát khá hiệu quả rủi ro trong cho vay DN và giảm bớt khả năng chịu



tồn thất rủi ro. Tuy nhiên, với tình hình nợ quá hạn và nợ xấu chiếm tỷ lệ khá cao như vậy dẫn đến việc trích lập dự phòng tại chi nhánh mặc dù có giảm qua các năm nhưng thực tế vẫn cao hơn so với yêu cầu, vì đây là nguyên nhân ảnh hưởng đến quỹ thu nhập của chi nhánh.

**Bảng 2.12: Tình hình trích lập DPRR trong cho vay DN**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>Trích lập dự phòng</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>
Dự phòng chung	373	474	506
Dự phòng cụ thể	592	775	797
<i>Nhóm 1</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Nhóm 2</i>	<i>63</i>	<i>157</i>	<i>85</i>
<i>Nhóm 3</i>	<i>82</i>	<i>22</i>	<i>0</i>
<i>Nhóm 4</i>	<i>65</i>	<i>240</i>	<i>0</i>
<i>Nhóm 5</i>	<i>383</i>	<i>357</i>	<i>711</i>
<b>Tổng cộng TLDP</b>	<b>965</b>	<b>1,249</b>	<b>1,303</b>
Tỷ lệ TLDP	1,92%	1,96%	1,91%
Mức giảm tỷ lệ TLDP so với năm trước			-0.06%

*(Nguồn: Phòng kinh doanh CN NHNo&PTNT KCN ĐN - ĐN)*

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI CHI NHÁNH**

### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

- Chất lượng tín dụng vẫn trong tầm kiểm soát.
- Tuân thủ nghiêm túc thẩm quyền phán quyết tín dụng, do đó hạn chế được rủi ro do cho vay vượt thẩm quyền.
- Đổi mới cơ cấu dư nợ cho vay theo hướng mở rộng cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng cường cho vay có tài sản bảo đảm, không hạ thấp tiêu chuẩn và nới lỏng điều kiện tín dụng.
- Duy trì và lựa chọn những khách hàng tốt, có uy tín trong cho vay, đồng thời thu hẹp các khoản cấp tín dụng đối với kinh doanh bất động sản và chứng khoán.

- Chính sách tín dụng, quy trình cho vay, việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro... nhìn chung đã chấp hành đầy đủ, kịp thời và đúng theo quy định của NHNo&PTNT Việt Nam.

### **2.3.2. Những mặt hạn chế**

- Việc xếp hạng tín dụng chưa được thực hiện theo đúng định kỳ quy định của NHNo&PTNT VN.

- Công tác thẩm định khách hàng vay vốn vẫn còn nhiều hạn chế.

- Việc kiểm tra giám sát sau khi cho vay chưa thực sự chặt chẽ, sát sao, chưa kịp thời, chưa đi sâu vào các nội dung cơ bản.

- Công tác kiểm soát nội bộ chưa được thực hiện thường xuyên, chất lượng còn thấp.

- Hoạt động cho vay tại chi nhánh phụ thuộc nhiều vào TSĐB nhưng việc định giá TSĐB còn hạn chế. Một số tài sản thế chấp có tính thanh khoản thấp dẫn đến khó có thể thu hồi nợ.

- Chưa chú trọng các biện pháp đa dạng hoá để phân tán rủi ro.

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa công ty bảo hiểm và ngân hàng trong việc khuyến khích khách hàng mua bảo hiểm và xử lý rủi ro xảy ra đối với những khách hàng đã mua bảo hiểm.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, còn nhiều hạn chế.

### **2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế**

#### **❖ Nguyên nhân từ phía ngân hàng**

Công tác thu thập thông tin tín dụng chưa đầy đủ và chính xác; thiếu kiểm tra, giám sát khoản vay; công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại CN chưa đảm bảo thời gian và chất lượng; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa công ty bảo hiểm và NH; chưa chú trọng các biện pháp đa dạng hoá để phân tán rủi ro.

#### **❖ Nguyên nhân từ phía doanh nghiệp**

Trình độ và khả năng quản lý của DN còn yếu kém; KH vay vốn phần lớn có mức vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng rất thấp, hệ số nợ vay

gặp nhiều lần vốn chủ sở hữu; khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích; KH không có thiện chí trong việc trả nợ vay

❖ Nguyên nhân từ phía môi trường bên ngoài

**Kết luận chương 2:** Thực tiễn hoạt động tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN ĐN- ĐN cho thấy luôn tiềm ẩn rủi ro. Do đó, để tăng trưởng tín dụng luôn đi kèm với quản lý chất lượng tín dụng thì yêu cầu cấp bách đặt ra là phải quản lý chặt chẽ khoản cho vay và giảm bớt tỷ lệ tổn thất tín dụng, đảm bảo hoạt động tín dụng được hiệu quả. Chi nhánh cần có những biện pháp linh hoạt, thích hợp hơn nữa nhằm quản lý rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp, hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, góp phần phát triển tín dụng bền vững.

**CHƯƠNG 3**  
**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RRTD**  
**TRONG CHO VAY DN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT KCN**  
**ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC**

**3.1. ĐỊNH HƯỚNG CHO VAY DN CỦA CHI NHÁNH NHNo&PTNT KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC**

**3.1.1. Định hướng chung của NHNo&PTNT Quảng Nam**

**3.1.2. Định hướng phát triển thị xã Điện Bàn giai đoạn 2016-2020**

**3.1.3. Định hướng kiểm soát RRTD trong cho vay DN của chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc**

❖ Mục tiêu:

- Mở rộng cho vay doanh nghiệp và đảm bảo kiểm soát rủi ro một cách an toàn và hiệu quả:

- Dư nợ cho vay DN: Tăng từ 15-20%/năm
- Khách hàng DN: Tăng trưởng 20-25%/năm
- Tỷ lệ nợ xấu: Giảm xuống dưới 1,0% /năm

❖ Định hướng

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách tín dụng, mở rộng các hình thức cho vay.

- Nâng cao chất lượng thẩm định các khoản vay và KH vay vốn, kiểm soát chặt chẽ quy trình giải ngân và tổ chức tốt việc kiểm tra sử dụng vốn vay.

- Phân tán rủi ro trong danh mục cho vay theo hướng lựa chọn những ngành nghề, lĩnh vực và nhóm KH có khả năng phát triển tốt và đạt hiệu quả, tiếp tục hạn chế cho vay lĩnh vực kinh doanh bất động sản, chứng khoán.

- Thực hiện tốt hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ để nâng cao chất lượng kinh doanh và đảm bảo an toàn cho hoạt động của Chi

nhánh, tổ chức tốt việc kiểm tra, giám sát liên tục, toàn diện trong quá trình sử dụng vốn vay.

- Củng cố quan hệ với khách hàng doanh nghiệp hiện tại, tích cực tìm kiếm, gia tăng doanh nghiệp mới trên địa bàn.

## **3.2. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RRTD TRONG CHO VAY DN TẠI CHI NHÁNH**

### **3.2.1. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định khách hàng**

Công tác thẩm định không chỉ dừng lại ở việc đánh giá tình hình hoạt động của khách hàng kinh doanh trong quá khứ, hiện tại mà còn cần phải đánh giá tình hình hoạt động của khách hàng trong tương lai, yêu cầu khách hàng lập báo cáo luồng tiền dự toán, báo cáo thu nhập tạm tính và bảng tổng kết tài sản tạm tính. Qua đó, CBTD có thể xác định được khi nào khách hàng có dòng tiền vào để trả nợ và khi nào dòng tiền ra cần vay bù đắp. Bao gồm: Kiểm tra xác minh số liệu, thông tin khách hàng cung cấp; phân tích dòng tiền và thẩm định PASXKD/ dự án đầu tư; phân tích rủi ro.

### **3.2.2. Tăng cường khâu kiểm tra trong và sau khi vay**

#### **❖ Kiểm tra trong khi cho vay**

Khi doanh nghiệp yêu cầu nhận nợ vay, CBTD phải kiểm tra chặt chẽ quá trình giải ngân, đối chiếu giữa mục đích yêu cầu giải ngân với các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của doanh nghiệp, đảm bảo việc sử dụng vốn vay có đầy đủ chứng từ chứng minh hợp lệ. Mục đích yêu cầu giải ngân phù hợp với mục đích, phương án vay vốn ban đầu của doanh nghiệp. Vì các doanh nghiệp thường đề nghị giải ngân cho từng hạng mục công trình vượt dự toán ban đầu.

Tăng cường áp dụng phương thức giải ngân bằng chuyển khoản để có thể kiểm soát việc sử dụng vốn vay của doanh nghiệp, đồng thời hạn chế giải ngân bằng tiền mặt trừ những trường hợp đặc thù do hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Kiểm tra, kiểm soát sau khi cho vay

Tiến hành kiểm tra tất cả các khoản cho vay theo định kỳ 30, 60 hoặc 90 ngày đối với khoản cho vay nhỏ và vừa; đối với những khoản cho vay lớn hoặc xếp hạng tín dụng thấp hoặc không có tài sản đảm bảo hoặc những khoản nợ quá hạn thì phải kiểm tra thường xuyên hơn, nhằm kịp thời chấn chỉnh và đề xuất các giải pháp để tăng cường khả năng phòng ngừa, kiểm soát RRTD. Bên cạnh đó, áp dụng linh hoạt các biện pháp kiểm tra tùy thuộc vào từng thời điểm, từng đối tượng và mục đích kiểm tra.

Quản lý chặt chẽ và thường xuyên các khoản cho vay có vấn đề, CBTD cần chủ động sử dụng kết hợp các phương thức kiểm tra khác nhau như kiểm tra thực tế tình hình của doanh nghiệp tại cơ sở SXKD. Đối với các khoản vay có dấu hiệu bất thường CBTD phải báo cáo với lãnh đạo nhằm có biện pháp xử lý kịp thời. Việc phát hiện và xử lý kịp thời những khoản vay có vấn đề, những khoản vay có biểu hiện mất khả năng thu hồi là biện pháp hữu hiệu góp phần kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh. Mặt khác để đảm bảo tính khách quan trong trong khâu kiểm tra, giám sát khoản vay, chi nhánh cần bố trí cán bộ kiểm tra chéo.

### **3.2.3. Hoàn thiện công tác thu thập, xử lý thông tin và xếp hạng tín dụng khách hàng**

Hiện nay việc xếp hạng tín dụng đều được thực hiện trên máy vi tính bằng phần mềm riêng, do đó để nâng cao chất lượng của xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp cần thực hiện tốt ở khâu thu thập thông tin và nâng cao trách nhiệm của cán bộ tín dụng trong việc XHTD. Thông tin tài chính thu thập được phải đảm bảo độ tin cậy cao thông qua các báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Thông tin phi tài chính cần phải trung thực, khách quan.

Sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ nhằm xây dựng một môi trường tín dụng hiệu quả và đưa ra các chính sách tín dụng phù hợp với từng khách hàng. Đây cũng là công cụ chi nhánh đánh giá toàn bộ danh mục tín dụng, xác định một cách hợp lý, chính xác mức tổn thất tín dụng cho từng dòng sản phẩm hoặc lĩnh vực hay ngành kinh tế.

#### **3.2.4. Đa dạng hóa danh mục cho vay nhằm phân tán rủi ro**

Chi nhánh cần đa dạng hóa danh mục cho vay, không tập trung cho vay một loại khách hàng hay một lĩnh vực nào đó mà cần mở rộng đối tượng cho vay nhằm giảm thiểu và phân tán rủi ro như là: Đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư, đa dạng hóa phương thức cho vay và loại hình cho vay, đa dạng hóa khách hàng. Chi nhánh cần có biện pháp quản lý rủi ro cho toàn danh mục để tính toán tỷ trọng đầu tư đối với từng ngành hàng, loại vay phân theo thời hạn vay, loại tiền, tài sản đảm bảo,... để có rủi ro thấp nhất, phù hợp với chiến lược, cơ cấu nguồn ổn và năng lực của ngân hàng.

#### **3.2.5. Nghiêm chỉnh chấp hành quy chế đảm bảo tiền vay**

Chi nhánh cần phải có quy định chặt chẽ hơn về tài sản đảm bảo, cũng như tính hợp pháp của giấy tờ sở hữu tài sản của khách hàng. Ngoài ra, chi nhánh phải tạo mối quan hệ tốt với địa phương để tránh vướng mắc trong quá trình xử lý tài sản thế chấp.

Thực tế cho thấy rất nhiều trường hợp khách hàng không trả được nợ vay và tòa án đã phán quyết thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ nhưng công việc thanh lý tài sản đảm bảo đôi khi vẫn không thể thực hiện được, hoặc thực hiện quá chậm và giá trị thanh lý tài sản thu về có thể thấp hơn giá trị nợ phải thu hồi. Để giảm thiểu rủi ro liên quan tới tài sản đảm bảo chi nhánh cần làm tốt các công việc sau: Thực hiện tốt công tác định giá và định giá lại TSDB; tăng cường kiểm tra TSDB là động sản.

### **3.2.6. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm chuyển giao rủi ro**

#### ***a. Mua bảo hiểm tài sản và bảo hiểm tín dụng***

- Đối với bảo hiểm tài sản

Chi nhánh cần yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm tài sản như là một điều kiện vay vốn và phải được quy định rõ ràng cụ thể về danh mục các tài sản phải mua bảo hiểm.

- Đối với bảo hiểm tín dụng

Trong thời gian tới chi nhánh cần có những quy định cụ thể để áp dụng mua bảo hiểm tín dụng cho những khoản vay riêng lẻ hoặc một danh mục cho vay nhằm chuyển giao rủi ro cho các công ty bảo hiểm khi rủi ro xảy ra.

#### ***b. Áp dụng các hình thức bảo lãnh***

Chi nhánh cần yêu cầu bên vay vốn phải có đầy đủ hơn các loại bảo lãnh như bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn tạm ứng, bảo lãnh đảm bảo chất lượng công trình máy móc thiết bị để trong trường hợp đối tác hoặc khách hàng không thực hiện được thì tổ chức, cá nhân phát hành thư bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhằm hạn chế rủi ro xảy ra ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

### **3.2.7. Các giải pháp hỗ trợ**

***a. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Chi nhánh***

***b. Xây dựng mối quan hệ lâu dài với doanh nghiệp***

***c. Nâng cao chất lượng công nghệ quản lý***

## **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

**3.3.1. Đối với Chính phủ**

**3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước**

**3.3.3. Kiến nghị đối với NHNo&PTNT Việt Nam**

**3.3.4. Đối với Hiệp hội Doanh nghiệp**

**Kết luận chương 3:** Từ thực trạng công tác kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh, nội dung chương 3 đã xây dựng các định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát RRTD



trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh. Mặc dù trên thực tế hoạt động kinh doanh ngân hàng luôn phải đối mặt và chấp nhận rủi ro, vì vậy chi nhánh chỉ có thể sử dụng các biện pháp nhằm hạn chế ở mức thấp nhất các RRTD cũng như giảm thiểu các tổn thất do nó gây ra, nâng cao khả năng quản trị, điều hành, đảm bảo cho hoạt động tín dụng của chi nhánh tăng trưởng ổn định và bền vững. Đề xuất kiến nghị đối với Chính phủ, NHNN những vấn đề về cơ chế, chính sách, luật pháp,... nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp trong thời gian đến.

## KẾT LUẬN

Quản trị rủi ro tín dụng nói chung, kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp nói riêng là hoạt động không quá mới mẻ với các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên đây là những nghiệp vụ tương đối khó và phức tạp, bởi vì trong mọi hoạt động kinh doanh của ngân hàng đều chứa đựng những rủi ro tiềm ẩn, đặc biệt là hoạt động cho vay của NHTM. Nếu không chấp nhận rủi ro thì không thể tạo ra cơ hội kinh doanh mới, phát triển cho vay. Do đó quản lý rủi ro là một yêu cầu tất yếu đặt ra trong quá trình tồn tại và phát triển của Ngân hàng. Vì thế để quản lý rủi ro có hiệu quả ngân hàng cần sử dụng một cách linh hoạt các biện pháp quản trị rủi ro, để đạt được những mục tiêu của ngân hàng cũng như hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra. Để công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp đạt được những kết quả khả quan đòi hỏi phải có sự vào cuộc, nỗ lực của toàn bộ khối kinh doanh, khối xử lý nội bộ, khối quản lý rủi ro từ chi nhánh đến hội sở.

Trong quá trình thực hiện đề tài không thể tránh được những thiếu sót, tác giả rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý thầy cô, các bạn đồng nghiệp và những người quan tâm đến vấn đề này để đề tài được hoàn thiện và ứng dụng có hiệu quả trong thực tế kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh NHNo&PTNT KCN Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam cũng như các chi nhánh khác trong hệ thống NHNo&PTNT.